

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO

Về chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo trong giáo dục đại học
(Kèm theo Công văn số 3333/BGDĐT-GDDH ngày 02 tháng 7 năm 2015)

I. Thông tin liên hệ:

Lãnh đạo trường

Họ và tên: **Trang Sĩ Trung**

Điện thoại: 058.222 0700

Email: vpgh@ntu.edu.vn

Địa chỉ liên hệ: 02 Nguyễn Đình Chiểu – Phường Vĩnh Thọ - Nha Trang – Khánh hòa

Trưởng phòng đào tạo

Họ và tên: **Trần Doãn Hùng**

Điện thoại: 058. 3831148

Email: daotao@ntu.edu.vn

II. Thông tin chung:

1. Số lượng các chương trình đào tạo chính quy đang được thực hiện tại Trường:

- Trình độ cao đẳng: 16 chương trình
- Trình độ đại học: 28 chương trình
- Trình độ thạc sĩ: 14 chương trình
- Trình độ tiến sĩ: 05 chương trình

2. Địa chỉ website công bố chuẩn đầu ra đối với các chương trình đào tạo đang được triển khai tại Trường:

<http://ntu.edu.vn/pdaotao/Viewtin.aspx?idcd=521&idnews=872>

<http://www.ntu.edu.vn/khoasdh/vi-vn/chuongtrinh.aspx>

3. Thông tin về các chương trình đào tạo đã công bố chuẩn đầu ra:

Bảng thống kê các chương trình đào tạo đã công bố chuẩn đầu ra

TT	Tên các chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Số QĐ phê duyệt CTĐT	Số lượng học viên tính theo năm nhập học															
				2011				2012				2013				2014			
				(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nuôi trồng thủy sản	Tiến sĩ	QĐ số 778/QĐ-ĐHNT ngày 11/7/2011	4				2				6				6			
2	Kỹ thuật khai thác thủy sản	Tiến sĩ	nt	1				3				1				3			
3	Kỹ thuật cơ khí động lực	Tiến sĩ	nt	0				2				4				2			
4	Công nghệ chế biến thủy sản	Tiến sĩ	nt	4				5				2				4			
5	Công nghệ Sau thu hoạch	Tiến sĩ	nt	-				-				-				-			
6	Nuôi trồng thủy sản	Thạc sĩ	QĐ số 312/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2015	21	16			54	33			67	1			53		53	100
7	Khai thác thủy sản	Thạc sĩ	nt	3	3			13	9			9	1			17		17	100
8	Công nghệ thực phẩm	Thạc sĩ	nt	0	0			0	0			12	-			14		14	100
9	Công nghệ chế biến thủy sản	Thạc sĩ	nt	0	0			0	0			1	-			2		2	100
10	Công nghệ sau thu hoạch	Thạc sĩ	nt	15	9			26	13			1	-			1		1	100
11	Công nghệ sinh học	Thạc sĩ	nt	0	0			0	0			9	-			30		30	100
12	Kỹ thuật cơ khí	Thạc sĩ	nt	0	0			0	0			9	-			4		4	100
13	Kỹ thuật cơ khí động lực	Thạc sĩ	nt	4	4			12	7			10	-			9		9	100
14	Kinh tế nông	Thạc sĩ	nt	8	7			22	8			85	2			60		60	100

TT	Tên các chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Số QĐ phê duyệt CTĐT	Số lượng học viên tính theo năm nhập học															
				2011				2012				2013				2014			
				(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)
	nghiệp																		
15	Kinh tế phát triển	Thạc sĩ	nt	0	0			0	0			0	0			70		70	100
16	Quản trị kinh doanh	Thạc sĩ	nt	278	155			207	84			199	33			163		163	100
17	Nuôi trồng thủy sản	Thạc sĩ	nt																
18	Công nghệ chế biến thủy sản	Thạc sĩ	nt																
19	Quản lý hệ sinh thái biển và biến đổi khí hậu	Thạc sĩ	nt																
20	Kỹ thuật khai thác thủy sản (Chuyên ngành Quản lý khai thác thủy sản)	Đại học																	
21	Khoa học hàng hải	Đại học	695QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2012									92				101			
22	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Đại học	682QĐ-ĐHNT ngày 11/6/2013									29				16			
23	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Đại học		32	18			20				70				84			
24	Công nghệ chế tạo máy	Đại học	695QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2012	36	18							57				61			
25	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	Đại học		41	17			34				51				54			
26	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Đại học						31				73				58			
27	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Đại học		31	15			33				117				86			

TT	Tên các chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Số QĐ phê duyệt CTĐT	Số lượng học viên tính theo năm nhập học																
				2011				2012				2013				2014				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	
28	Kỹ thuật tàu thủy	Đại học	695QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2012	28	22			34					60				48			
29	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Đại học		122	72			94					122				92			
30	Công nghệ thông tin	Đại học		45	18			45					120				159			
31	Hệ thống thông tin quản lý	Đại học	1735QĐ-ĐHNT ngày 27/12/2013										103				71			
32	Công nghệ kỹ thuật hoá học	Đại học	682QĐ-ĐHNT ngày 11/6/2013										85				72			
33	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Đại học		116	92			60					150				91			
34	Công nghệ thực phẩm	Đại học		253	221			178					269				188			
35	Công nghệ sinh học	Đại học		59	41			60					139				98			
36	Công nghệ chế biến thủy sản	Đại học		102	93			28					99				79			
37	Công nghệ sau thu hoạch	Đại học	682QĐ-ĐHNT ngày 11/6/2013										58				58			
38	Nuôi trồng thủy sản	Đại học		65	28			20					135				113			
39	Bệnh học thủy sản	Đại học	71QĐ-ĐHNT ngày 19/1/2015														16			
40	Quản lý nguồn lợi thủy sản	Đại học	1735QĐ-ĐHNT ngày 27/12/2013										44				19			
41	Quản trị kinh doanh	Đại học		153	130			196					142				112			

TT	Tên các chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Số QĐ phê duyệt CTĐT	Số lượng học viên tính theo năm nhập học																		
				2011				2012				2013				2014						
				(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)			
42	Kinh doanh thương mại	Đại học		79	70			113					126					164				
43	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Đại học		75	61			96					162					142				
44	Kinh tế nông nghiệp (<i>Chuyên ngành: Kinh tế và quản lý thủy sản</i>)	Đại học						10					100					61				
45	Kê toán (<i>gồm 2 chuyên ngành: Kế toán và Tài chính – Ngân hàng</i>)	Đại học		585	464			528					273					208				
46	Ngôn ngữ Anh	Đại học	695QĐ-ĐHNT ngày 15/6/2012	126	97			208					147					116				
47	Quản lý thủy sản	Đại học	1735QĐ-ĐHNT ngày 27/12/2013										98					81				
48	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (<i>gồm 3 chuyên ngành: Điện lạnh, Cơ điện và Cơ Điện Lạnh</i>)	Cao đẳng		53	11			46	3				43					31				
49	Điều khiển tàu biển	Cao đẳng																				
50	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng		58	41			42	5				65					49				
51	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Cao đẳng																				
52	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Cao đẳng						45	19				40					36				

TT	Tên các chương trình đào tạo	Trình độ đào tạo	Số QĐ phê duyệt CTĐT	Số lượng học viên tính theo năm nhập học																	
				2011				2012				2013				2014					
				(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)	(1)	(2)	(3)	(4)		
53	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Cao đẳng	1160QĐ--ĐNT ngày 19/9/2013											43				31			
54	Công nghệ thực phẩm	Cao đẳng		230	154			105	26					256				180			
55	Công nghệ chế biến thủy sản	Cao đẳng		127	87			31	9					55				45			
56	Công nghệ kỹ thuật môi trường	Cao đẳng	1160QĐ--ĐNT ngày 19/9/2013											65				75			
57	Công nghệ sinh học	Cao đẳng	1160QĐ--ĐNT ngày 19/9/2013											36				38			
58	Nuôi trồng thủy sản	Cao đẳng		35	23			20						34				53			
59	Công nghệ thông tin	Cao đẳng		96	42			53	5					67				79			
60	Kế toán	Cao đẳng		547	397			254	101					155				116			
61	Quản trị kinh doanh	Cao đẳng		246	164			232	86					139				114			
62	Kinh doanh thương mại	Cao đẳng	1160QĐ--ĐNT ngày 19/9/2013											49				38			
63	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Cao đẳng	1160QĐ--ĐNT ngày 19/9/2013											125				131			

Ghi chú: (1): Tổng số sinh viên nhập học; (2): Số sinh viên tốt nghiệp; (3): Số lượng sinh viên được đào tạo theo Chuẩn đầu ra; (4): Tỷ lệ sinh viên được đào tạo theo chuẩn đầu ra so với tổng số sinh viên nhập học

III. Chuẩn đầu ra và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Chuẩn đầu ra:

+ Đã xây dựng CDR cho các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ để áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2014; đang triển khai xây dựng CDR cho các chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, dự kiến áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2015 trở đi.

+ Trong quá trình xây dựng CDR, có tổ chức xin ý kiến của các đơn vị sử dụng và mời một số đại diện đơn vị sử dụng lao động tham gia phát triển CDR và chương trình đào tạo.

+ Nội dung chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ phản ánh chuẩn đầu ra đã công bố.

+ Đã xây dựng chuẩn đầu ra ở cấp độ học phần của các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

+ Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên căn cứ vào chuẩn đầu ra do giảng viên thực hiện ở cấp độ học phần.

2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo:

+ Nhà trường đã tổ chức rà soát, đầu tư, nâng cấp trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, tài liệu đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo và CDR đã công bố.

3. Đề xuất, kiến nghị:

+ Đội ngũ chuyên gia của trường về phát triển chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra còn mỏng. Đội ngũ giảng viên tham gia phát triển chương trình và CDR chưa được đào tạo, bồi dưỡng một cách bài bản và cập nhật về phương pháp, quy trình phát triển chương trình. Đề nghị Bộ Giáo dục và đào tạo thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng về công tác này.

+ Hệ thống văn bản do Bộ ban hành còn chưa đồng bộ, một số nội dung trong các văn bản mới ban hành không thống nhất. Ví dụ yêu cầu về trình độ/kỹ năng ngoại ngữ đối với trình độ thạc sĩ trong Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT và Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT không thống nhất.

+ Yêu cầu về kỹ năng ngoại ngữ đối với trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT còn thiếu thực tế.

HIỆU TRƯỞNG 





Trang Sĩ Trung